Ngành, nghề: Nghiệp vụ lễ tân

Trình độ đào tạo: Trung cấp chính quy

Thiết bị, dụng cụ đào tạo, vật tư tiêu hao dùng trong giảng dạy:

TT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
1	Máy vi tính	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	
2	Hệ điều hành máy tính	Phiên bản phổ biến tại thời điểm mua sắm; cài đặt được cho 19 máy vi tính	
3	Máy chiếu (Projector)	Cường độ chiếu sáng: ≥2500 ANSI Lumens; Kích thước màn chiếu ≥1800mm x1800mm	
4	Hệ thống âm thanh trợ giảng	Công suất: ≥ 40 W	
5	Bảng di động	Kích thước: ≥ (1250 x 2400) mm	
6	Bảng lật	Phù hợp với kích thước khổ giấy A1	
7	Biển báo 2 mặt	Chất liệu nhựa Kích thước phù hợp trong đào tạo	
8	Biển chỉ dẫn thoát hiểm	Kích thước phù hợp trong đào tạo. Có sơ đồ chỉ lối thoát hiểm và biểu tượng.	
9	Bộ đàm	Công suất: ≥ 1 km	
10	Bộ dấu	Theo các quy định hiện hành	
11	Bộ dụng cụ cứu thương	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về y tế	
12	Khóa cơ và khóa từ các loại	Khóa cơ: có bảng gỗ (nhựa) đánh số buồng); Khóa từ: kích cỡ ≥ 56mmx42mmx2mm. Kèm theo phần mềm quản lý khóa và bộ mã hóa thẻ.	Thực tập tại DN
13	Đầu đọc thẻ nhớ	Đọc được các loại thẻ như SD, mini SD, MMC, SDHC…	
14	Bảng giá điện tử	Kích thước:≥ (600mm x400mm)	
15	Bảng giá niêm yết	Kích thước phù hợp với đào tạo	

16	Biển tên	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	
TT	**Tên thiết bị**	**Thông số kỹ thuật cơ bản**	**Ghi chú**
17	Các loại giá đựng hồ sơ đặt phòng	Chất liệu nhựa hoặc da	
18	Điện thoại bàn	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	
19	Dụng cụ phòng cháy, chữa cháy	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về phòng cháy chữa cháy	
20	Ghế ngồi nhân viên lễ tân	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	
21	Giá để chìa khóa	Tối thiểu để được 12 chìa khóa	
22	Giá để tờ rơi, tệp gấp, danh thiếp	Vật liệu thông dụng trên thị trường, kích thước phù hợp với từng loại	
23	Giá đựng các loại biểu mẫu	Vật liệu thông dụng trên thị trường, kích thước phù hợp với từng loại	
24	Hệ thống mạng LAN	Kết nối được ít nhất 19 máy vi tính với nhau	
25	Hộp đựng danh thiếp	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	
26	Kẹp lưu hồ sơ	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	
27	Két sắt nhiều ngăn	Chất liệu thép không gỉ, chống nước	
28	Khay đựng hóa đơn chứng từ của khách	Chất liệu nhựa hoặc da, kích thước phù hợp	
29	Khay đựng tiền giấy	Vật liệu không gỉ, được chia làm nhiều ngăn tiện dụng	

30	Mẫu các loại thẻ thanh toán	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	
TT	**Tên thiết bị**	**Thông số kỹ thuật cơ bản**	**Ghi chú**
31	Máy chủ	Đảm bảo cấu hình tối thiểu cài đặt được phần mềm quản lý bán hàng	
32	Máy fax	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	
33	Máy ghi âm	Dung lượng: ≥ 4 GB	
34	Máy in	In đen trắng Khổ giấy in A4	
35	Máy photocopy	Khổ giấy A4	
36	Máy scan	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	
37	Máy tính cầm tay	Loại 12 số, thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	
38	Phần mềm quản lý khách sạn	Phiên bản phổ biến tại thời điểm mua sắm; cài đặt được cho 19 máy vi tính	Thực tập tại DN
39	Phần mềm thanh toán	Phiên bản phổ biến tại thời điểm mua sắm; cài đặt được cho 19 máy vi tính	
40	Phần mềm tổng đài	Phiên bản phổ biến tại thời điểm mua sắm; cài đặt được cho 19 máy vi tính	
41	Sổ lưu danh thiếp	Lưu được tối thiểu 100 danh thiếp	
42	Thẻ nhân viên	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	
43	Tổng đài điện thoại	Loại thông dụng trên thị trường có ít nhất 06 trung kế	
44	Tủ để tài liệu	Kích thước: (cao x rộng x sâu): (1830 x 1000 x 450) mm	
45	Xe đẩy hành lý	Thông số kĩ thuật phù hợp thời điểm mua sắm	
46	Quầy lễ tân	Kích thước phù hợp với đào tạo	Thực tập tại DN